



QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2022

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| CHƯƠNG I | 4 |
| QUY ĐỊNH CHUNG | 4 |
| Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng | 4 |
| CHƯƠNG II | 5 |
| CỔ ĐÔNG | 5 |
| Điều 2. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông | 5 |
| Điều 3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông | 5 |
| CHƯƠNG III | 5 |
| ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG | 5 |
| Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông | 5 |
| Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông | 5 |
| Điều 6. Thông báo và đăng ký dự họp Đại hội đồng Cổ đông | 6 |
| Điều 7. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết | 6 |
| Điều 8. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông | 6 |
| Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản | 7 |
| Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến | 7 |
| Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến | 10 |
| CHƯƠNG IV | 10 |
| HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ | 10 |
| Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị | 10 |
| Điều 13. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị | 11 |
| Điều 14. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị | 13 |
| Điều 15. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị | 13 |
| Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị | 15 |
| Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty | 15 |
| CHƯƠNG V | 16 |
| BAN KIỂM SOÁT | 16 |
| Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát ... | 16 |
| Điều 19. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát | 16 |
| CHƯƠNG VI | 18 |

| | |
|--|----|
| TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC | 18 |
| Điều 20. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc | 18 |
| Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc | 18 |
| CHƯƠNG VII | 19 |
| PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC | 19 |
| Điều 22. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc | 19 |
| Điều 23. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc 20 | |
| Điều 24. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị | 20 |
| Điều 25. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao/được ủy quyền | 20 |
| Điều 26. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 21 | |
| Điều 27. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc | 21 |
| CHƯƠNG VIII | 21 |
| ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC | 21 |
| Điều 28. Đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác | 21 |
| CHƯƠNG IX | 22 |
| NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH | 22 |
| Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác | 22 |
| CHƯƠNG X | 22 |
| BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN | 22 |
| Điều 30. Nghĩa vụ công bố thông tin | 22 |
| Điều 31. Tổ chức công bố thông tin | 23 |
| CHƯƠNG XI | 23 |
| CÁC VẤN ĐỀ KHÁC | 23 |
| Điều 32. Sửa đổi, bổ sung quy chế | 23 |
| Điều 33. Điều khoản thi hành | 23 |

QUY CHẾ NỘI BỘ
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN SÀI GÒN 3 GROUP

Căn cứ pháp lý:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group (“**Điều lệ công ty**”);
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ được thông qua ngày 04 tháng 04 năm 2022

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty (“**Quy chế**”) quy định các nội dung về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
2. Đối tượng áp dụng:
 - a. Cổ đông Công ty;
 - b. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát;
 - d. Người điều hành doanh nghiệp;
 - e. Người quản lý doanh nghiệp;
 - f. Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty
 - g. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG

Điều 2. Thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ của cổ đông

1. Trừ khi pháp luật quy định khác đi thì thời điểm phát sinh Quyền nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm tài khoản Lưu Ký chứng khoán của cổ đông mở tại một thành viên Lưu Ký chứng khoán ghi có số dư cổ phiếu SGI. Đối với cổ phiếu chưa lưu ký thì thời điểm phát sinh quyền nghĩa vụ của cổ đông là thời điểm mà tên và các thông tin về cổ đông được ghi vào sổ đăng ký cổ đông của công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông của công ty, danh sách cổ đông do Trung tâm lưu ký chứng khoán cung cấp cho Công ty là căn cứ để xác định tư cách quyền và nghĩa vụ của cổ đông

Điều 3. Đối xử công bằng giữa các cổ đông

1. Mọi cổ đông đều được đối xử công bằng bao gồm cả cổ đông thiểu số và cổ đông nước ngoài. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cổ đông nước ngoài tại Công ty là không hạn chế, trừ trường hợp pháp luật và Điều lệ công ty có quy định khác. Mỗi cổ phần cùng loại đều tạo ra cho cổ đông sở hữu cổ phần đó các quyền và nghĩa vụ lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi thì các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi đó phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích hợp pháp của Công ty và của cổ đông khác.
3. Cổ đông là người nội bộ người có liên quan của người nội bộ hoặc cổ đông lớn, người có liên quan của cổ đông lớn phải thực hiện báo cáo công bố thông tin khi giao dịch cổ phiếu TCI theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty.

Điều 5. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông và các nội dung có liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định từ Điều 13 đến Điều 20, Điều 22 Điều lệ công ty và quy định tại Quy chế này.

Điều 6. Thông báo và đăng ký dự họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ công ty. Nếu trong Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông có quy định thời gian, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo.
2. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều 15 Điều lệ công ty. Trường hợp văn bản ủy quyền không thể hiện rõ nội dung, phạm vi, số lượng của phần ủy quyền thì ủy quyền đó được xem là ủy quyền toàn bộ.

Điều 7. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết

1. Phiếu biểu quyết được gửi đến cổ đông kèm theo thư mời họp hoặc phát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc bằng hình thức điện tử.
2. Cổ đông dự họp biểu quyết bằng cách đánh dấu vào phiếu biểu quyết và bỏ vào thùng phiếu đặt tại phòng họp hoặc sử dụng biểu quyết hình thức bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác do Công ty cung cấp. Phiếu biểu quyết hợp lệ và đã có chữ ký của cổ đông hoặc được xác thực bằng hình thức khác do Hội đồng quản trị quy định là bằng chứng xác nhận ý kiến biểu quyết của cổ đông về vấn đề được nêu trong phiếu.
3. Ban Kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu theo đề nghị của Chủ tọa sẽ tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết.
4. Khi thực hiện kiểm phiếu, các ý kiến biểu quyết không có ý kiến không được tính vào số phiếu tán thành.
5. Chủ tọa Đại hội sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi ban kiểm phiếu thực hiện nhiệm vụ kiểm phiếu tại Đại hội.
6. Kết quả biểu quyết được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu.

Điều 8. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ công ty có quyền phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bằng các cách sau:
 - a. Yêu cầu thư ký đại hội ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp.
 - b. Yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét hủy bỏ Nghị quyết hoặc một phần nội dung Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp và Điều 23 Điều lệ công ty. Mọi chi phí liên quan đến thủ tục yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông sẽ do người yêu cầu chi trả.
2. Trong mọi trường hợp, cổ đông vẫn phải tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của Tòa án hoặc Trọng tài về việc hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản bất kỳ vấn đề nào thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 10. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể xem xét việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường bằng hình thức hội nghị trực tuyến và quy định cách thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:

1. Hệ thống Đại hội đồng cổ đông là trang thông tin điện tử, ứng dụng, công nghệ, phương tiện điện tử khác do Công ty cung cấp, tạo lập để cổ đông thực hiện đăng ký tham dự, biểu quyết, bầu cử, họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện các quyền khác (nếu có).
2. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là hình thức tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông do Công ty cung cấp tại từng thời điểm. Cổ đông tham dự họp trực tuyến có thể theo dõi Đại hội từ các địa điểm khác nhau, trong và ngoài nước thông qua các phương tiện điện tử như máy tính, điện thoại thông minh hoặc công nghệ khác.
3. Địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bao gồm địa điểm chính và các địa điểm khác, trong đó địa điểm chính là nơi chủ tọa tham dự và chủ trì cuộc họp, các địa điểm khác là nơi cổ đông đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông bằng tài khoản truy cập đã được Công ty cung cấp để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
4. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến được thực hiện tương tự như cách thức mời họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp quy định tại khoản 3 Điều 17 Điều lệ công ty. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến phải chuẩn bị thêm tài liệu hướng dẫn cho các cổ đông đăng ký tham dự, biểu quyết, bầu cử trực tuyến. Tài liệu hướng dẫn được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty và hệ thống Đại hội đồng cổ đông.
5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:
 - a. Để tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, cổ đông thực hiện đăng ký và đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của Công ty.
 - b. Khi đăng ký trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông, cổ đông phải kê khai các thông tin sau:
 - Giấy tờ pháp lý của cổ đông;

- Hình thức dự họp, bỏ phiếu;
 - Phương thức xác thực: là sử dụng OTP (viết tắt từ Once Time Password) hoặc phương thức khác do Công ty cung cấp. OTP là mật khẩu xác thực một lần được cung cấp đến cổ đông qua thư điện tử hoặc tin nhắn đến số điện thoại di động khi cổ đông thực hiện đăng ký trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông cần thực hiện xác thực cho các bước đăng ký, đăng nhập, thay đổi mật khẩu, các thay đổi đăng ký (nếu có). Khi biểu quyết, bầu cử để xác thực phần thể hiện sự chấp thuận của cổ đông khi thao tác trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông;
 - Nghiên cứu kỹ các điều khoản và điều kiện đồng thời xác nhận là hiểu và đồng ý với điều khoản và điều kiện này;
 - Các thông tin cần thiết khác theo yêu cầu để đảm bảo Công ty nhận diện đúng cổ đông/người được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- c. Cổ đông đăng ký thành công sẽ nhận được thông tin đăng nhập (bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu) vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông.
- d. Cổ đông có trách nhiệm cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác và lưu giữ, bảo mật thông tin đăng nhập của mình.
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: cổ đông thực hiện ủy quyền cho người khác hoặc thành viên Hội đồng quản trị tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến bằng các cách thức sau:
- a. Lập văn bản ủy quyền hợp lệ theo Điều 15 Điều lệ công ty và gửi về Công ty theo hình thức và địa chỉ trong thư mời họp.
 - b. Đăng ký ủy quyền trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông.
7. Điều kiện tiên hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
- a. Đại hội đồng cổ đông trực tuyến tiến hành khi đáp ứng đủ tỷ lệ cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.
 - b. Cổ đông được xem là dự họp khi đáp ứng một trong các điều kiện sau:
 - Tham dự họp trực tuyến bằng cách đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông trong thời gian diễn ra Đại hội đến thời điểm kết thúc biểu quyết, bầu cử. Cổ đông đăng nhập nhưng chưa biểu quyết hoặc đăng xuất hệ thống Đại hội đồng cổ đông trong thời gian diễn ra Đại hội vẫn được tính là đã tham dự họp;
 - Cổ đông đã thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử hoặc bỏ phiếu theo hình thức khác theo hướng dẫn của Hội đồng quản trị hoặc người được Hội đồng quản trị ủy quyền.
8. Thảo luận tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến
- Việc thảo luận được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình họp đã được thông qua. Cổ đông có thể thực hiện thảo luận, đặt câu hỏi đến Chủ tọa Đại hội thông qua hệ thống Đại hội đồng cổ đông hoặc hình thức khác do Công ty cung cấp.

9. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- a. Cổ đông đã đăng ký và đăng nhập vào hệ thống Đại hội đồng cổ đông thực hiện biểu quyết theo các hình thức bỏ phiếu điện tử trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Quy chế này. Ngoài hình thức bỏ phiếu điện tử, cổ đông họp trực tuyến có thể thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo cách thức quy định tại Thư mời họp và hướng dẫn của Công ty.
- b. Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông chọn một trong ba phương án biểu quyết là tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.
- c. Kết quả bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa và hình thức khác có giá trị như nhau. Trường hợp cổ đông biểu quyết, bầu cử theo nhiều hình thức khác nhau, và/hoặc có nhiều ý kiến khác nhau thì kết quả biểu quyết, bầu cử hợp lệ sau cùng của cổ đông sẽ được ghi nhận.
- d. Cổ đông được quyền biểu quyết, bầu cử kể từ thời điểm đăng nhập thành công trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông hoặc thời hạn khác do Hội đồng quản trị quy định. Thời điểm kết thúc biểu quyết, bầu cử đối với từng nội dung sẽ được xác định theo chương trình họp và phụ thuộc vào diễn biến Đại hội. Mỗi sự kiện biểu quyết, bầu cử đang diễn ra hoặc kết thúc đều được thông báo tại cuộc họp và trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông để cổ đông được biết và thực hiện bỏ phiếu.
- e. Trường hợp cổ đông bỏ phiếu điện tử chưa hoàn tất bỏ phiếu do hệ thống Đại hội đồng cổ đông bị ngắt kết nối hoặc bất kỳ lý do nào khác thì kết quả biểu quyết vẫn ghi nhận đối với các vấn đề mà cổ đông đã bỏ phiếu. Các vấn đề chưa bỏ phiếu sẽ ghi nhận là cổ đông không có ý kiến về vấn đề đó. Cổ đông có thể liên hệ trực tiếp đến Công ty để được hỗ trợ bỏ phiếu bổ sung trong thời gian diễn ra Đại hội.

10. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến

- a. Căn cứ trên kết quả biểu quyết và bầu cử của cổ đông trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông và các hình thức khác (nếu có), Ban kiểm phiếu sẽ tập họp và thực hiện kiểm phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử.
- b. Đối với việc biểu quyết các vấn đề liên quan đến cuộc họp gồm có chương trình họp, Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm phiếu, Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội, các vấn đề khác (nếu có): cổ đông đã thực hiện bỏ phiếu từ xa, bỏ phiếu điện tử được xác định đồng ý với các nội dung như trên, trừ trường hợp cổ đông đã biểu quyết khác trên hệ thống Đại hội đồng cổ đông hoặc đã gửi ý kiến đến Công ty trước thời điểm xác định kết quả của quyết đối với từng vấn đề biểu quyết.
- c. Đối với việc biểu quyết các vấn đề trong chương trình họp và bầu cử: Kết quả biểu quyết, bầu cử sẽ được xác định dựa trên kết quả biểu quyết, bầu cử điện tử của cổ đông và kết quả bỏ phiếu từ xa hoặc theo hình thức khác (nếu có).
- d. Trường hợp cổ đông kiến nghị vấn đề để bổ sung vào chương trình họp hoặc đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hợp lệ sau thời gian gửi Thư mời họp và được Chủ tọa đồng ý đưa vào chương trình họp hoặc danh sách ứng cử viên thì vấn đề kiến nghị đó sẽ được thông báo và thông qua tại Đại hội, cập nhật trên hệ thống Đại hội đồng Cổ đông và công bố thông tin theo quy định để cổ đông thực hiện biểu quyết, bầu

cử bỏ sung. Trường hợp cổ đông đã bỏ phiếu từ xa và bỏ phiếu điện tử không biểu quyết, không bầu cử bỏ sung vấn đề kiến nghị nêu trên thì kết quả biểu quyết bầu cử xác định như sau:

- Đối với biểu quyết vấn đề kiến nghị: cổ đông đó được xác định là không có ý kiến đối với vấn đề kiến nghị.
- Đối với bầu cử cho ứng cử viên mới: cổ đông đó được xác định là không bầu cử cho ứng cử viên mới.

11. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được thông báo ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sau khi hoàn thành xong việc kiểm phiếu trước khi bế mạc cuộc họp trừ khi Chủ tọa có quyết định khác.

12. Lập và công bố biên bản họp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đọc và thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để cổ đông tham dự họp biểu quyết thông qua trước khi bế mạc Đại hội đồng thời công bố theo quy định tại Điều 22 Điều lệ Công ty.

13. Việc triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi Thư mời họp và các tài liệu kèm theo, điều kiện tiên hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và các thủ tục khác được thực hiện theo quy định về tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tiếp tại Điều lệ công ty, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan. Ngoài quy định tại Điều này, Hội đồng quản trị có thể ban hành quy chế tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến để hướng dẫn chi tiết các vấn đề liên quan đến việc tổ chức họp.

Điều 11. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Căn cứ theo tình hình thực tế, Hội đồng quản trị cũng có thể quyết định triệu tập Đại hội theo hình thức Đại hội đồng cổ đông kết hợp tổ chức trực tiếp và trực tuyến theo quy định Điều lệ công ty và Quy chế này.
2. Hội đồng quản trị ban hành Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông kết hợp tổ chức trực tiếp và trực tuyến dựa trên các quy định về triệu tập, lập danh sách cổ đông, gửi Thư mời họp và các tài liệu kèm theo, điều kiện tiên hành Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu, kiểm phiếu và các thủ tục khác tại Điều lệ, Quy chế này và quy định của pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG IV

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26, Điều 27, Điều 42 và Điều 43 Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 13. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được thay thế và tiếp quản công việc.
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ do Đại hội đồng cổ đông thông qua theo đề xuất của Hội đồng quản trị.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- a. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Điều lệ công ty.
- b. Thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ công ty.
- c. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 5 Điều 24 Điều lệ công ty.

Khi pháp luật có thay đổi quy định về tiêu chuẩn, điều kiện về thành viên Hội đồng quản trị độc lập khác với quy định này thì Công ty sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- a. Cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ công ty.
- b. Trường hợp số lượng ứng cử viên thông qua đề cử, ứng cử không đủ số lượng cần thiết thì Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác do Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu cử theo quy định pháp luật.
- c. Ứng cử viên phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ trung thực, trung thành, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên hội đồng quản trị.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- a. Việc bầu cử (kể cả bầu bổ sung) và xác định kết quả trúng cử thành viên hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.

- b. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu cổ đông đó có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
 - c. Phiếu bầu cử gửi đến cổ đông kèm theo Thư mời họp trong trường hợp đã có thông tin ứng cử viên hoặc phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi qua hệ thống điện tử tùy theo cách thức tổ chức cuộc họp. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những ứng cử viên, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu hoặc đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu bầu.
 - d. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
 - Phiếu không theo mẫu quy định, không phải của Công ty phát hành;
 - Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
 - Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử, ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông đó có quyền bầu.
 - Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện của cổ đông hoặc không xác định được theo cách thức mà Công ty đã quy định;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị
- a. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp không đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 13 Quy chế này.
 - b. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 4 Điều 30 Điều lệ công ty và khoản 4 Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị
- a. Thông báo về thông tin ứng cử viên: trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên thì thông tin liên quan đến các ứng cử viên hội đồng quản trị được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: họ, tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị; các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có); các thông tin khác (nếu có);

- b. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên hội đồng quản trị được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.
7. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan

Điều 14. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty.

Điều 15. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp: Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần hoặc họp bất thường hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản khi cần thiết hoặc theo yêu cầu của một trong các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty.
 2. Trình tự, thủ tục triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.
 3. Triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường
 - a. Người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ công ty phải lập yêu cầu bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, nội dung văn bản phải nêu rõ lý do đề nghị triệu tập cuộc họp, các vấn đề thảo luận và tài liệu liên quan đến các vấn đề thảo luận.
 - b. Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất họp, nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập cuộc họp thì người yêu cầu triệu tập cuộc họp quy định tại điểm a khoản này được quyền gửi thông báo triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.
 4. Thông báo họp Hội đồng quản trị
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
 - b. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
 5. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát
- Thành viên Ban kiểm soát có quyền tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị nhưng không có

- quyền biểu quyết.
6. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị
Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành theo quy định tại khoản 8 Điều 29 Điều lệ công ty.
 7. Cách thức biểu quyết
Hội đồng quản trị biểu quyết theo quy định tại khoản 10, khoản 11, khoản 13 Điều 29 Điều lệ công ty và thông qua theo quy định tại khoản 15 Điều 29 Điều lệ công ty.
 8. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị
Nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được thông qua khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Nếu số phiếu tán thành và phản đối nhanh nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.
 9. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị
 - a. Thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết bằng cách gửi văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một ngày. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một ngày.
 - b. Việc ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 10. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị
 - a. Nội dung và kết luận của Hội đồng quản trị phải được ghi thành Biên bản.
 - b. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có chữ ký của Chủ tọa và người ghi biên bản (thư ký cuộc họp). Việc lập biên bản được thực hiện theo quy định tại khoản 14 Điều 29 Điều lệ công ty.
 - c. Biên bản họp Hội đồng quản trị được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty.
 - d. Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
 11. Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị
Trường hợp chủ tọa và/hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định Luật Doanh nghiệp thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan

12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị
 - a. Sau mỗi kỳ họp các quyết định của Hội đồng quản trị phải gửi đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vòng 24 giờ kể từ ngày Hội đồng quản trị thông qua quyết định.
 - b. Nghị quyết Hội đồng quản trị được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và trên trang thông tin điện tử của Công ty.
 - c. Nghị quyết Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Nghị quyết Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Nghị quyết tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong Nghị quyết tiếng Việt có hiệu lực áp dụng

Điều 16. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị để hỗ trợ hoạt động cho Hội đồng quản trị. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban và từng thành viên trong tiểu ban và trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách.
3. Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban; việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban; và hoạt động của các tiểu ban sẽ do Hội đồng quản trị quy định chi tiết.

Điều 17. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty
Quy định về Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty thực hiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty.
2. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty
 - a. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một người làm các nhiệm vụ của người quản tượng phụ trách quản trị công ty và quyết định việc miễn nhiệm người đó. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị có thể quyết định bổ nhiệm Thư ký công ty với nhiệm kỳ theo quyết định của Hội đồng quản trị. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.
 - b. Người phụ trách quản trị công ty bị miễn nhiệm trong trường hợp
 - Có đơn xin thôi giữ vị trí hoặc nghỉ việc
 - Không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty
 - Các trường hợp khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty, Thư ký công ty

- a. Người phụ trách quản trị Công ty có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty.
- b. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Điều 18. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.
2. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát:
 - a. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
 - b. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
 - c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

Điều 19. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát
Nhiệm kỳ, số lượng thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 1 Điều 34 Điều lệ Công ty.
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát
Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Điều lệ Công ty.
3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát
 - a. Cổ đông/nhóm cổ đông thực hiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo cách như quy định tại khoản 2 Điều 24 Điều lệ công ty.
 - b. Trường hợp số lượng ứng cử viên thông qua đề cử, ứng cử không đủ số lượng cần thiết thì Ban kiểm soát đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác do Đại hội đồng Cổ đông thông qua theo quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu cử theo quy định pháp luật.

- c. Ứng cử viên phải cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và cam kết thực hiện nhiệm vụ trung thực, trung thành, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

- a. Việc bầu cử (kể cả bầu bổ sung) và xác định kết quả trúng cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.
- b. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu cổ đông đó có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.
- c. Phiếu bầu cử gửi đến cổ đông kèm theo Thư mời họp trong trường hợp đã có thông tin ứng cử viên hoặc phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông hoặc gửi qua hệ thống điện tử tùy theo cách thức tổ chức cuộc họp. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những ứng cử viên, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu hoặc đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu bầu.
- d. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:
- Phiếu không theo mẫu quy định, không phải của Công ty phát hành;
 - Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
 - Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
 - Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử, ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
 - Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên vượt quá tổng số phiếu bầu mà cổ đông đó có quyền bầu.
 - Phiếu không có chữ ký của cổ đông/đại diện của cổ đông hoặc không xác định được theo cách thức mà Công ty đã quy định;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 34 Điều lệ công ty.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- a. Thông báo về thông tin ứng cử viên: trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên thì thông tin liên quan đến các ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Thành viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm: họ, tên, ngày, tháng, năm sinh; Trình độ chuyên môn; Quá trình công tác; Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm chức vụ thành viên Ban kiểm soát, các

chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có); các thông tin khác (nếu có);

b. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 38 Điều lệ công ty.

CHƯƠNG VI

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 20. Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc

Trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc quy định tại khoản 2, khoản 5 Điều 41 Điều lệ công ty.

Điều 21. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

a. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 41 Điều lệ công ty

b. Tiêu chuẩn, điều kiện của Tổng giám đốc theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

a. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể ứng cử, đề cử ứng viên Tổng giám đốc để Hội đồng quản trị quyết định.

b. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 41 Điều lệ công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

a. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác làm Tổng giám đốc.

b. hiện phù hợp với các quy định pháp luật về lao động, Điều lệ công ty, Quy chế này và quy định khác của Công ty (nếu có).

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

5. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc
- Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty, quy chế lương thưởng của Công ty (nếu có), quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật có liên quan.
6. Người điều hành doanh nghiệp khác:
- Người điều hành doanh nghiệp khác bao gồm Kế toán trưởng và người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - Tiêu chuẩn, điều kiện của Người điều hành doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề xuất của Tổng giám đốc hoặc thành viên Hội đồng quản trị.
 - Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.
 - Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành doanh nghiệp khác được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
 - Tiền lương và lợi ích khác của Người điều hành doanh nghiệp khác được thực hiện theo quy định của Điều lệ công ty, quy chế lương thưởng của Công ty (nếu có), quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật có liên quan.

CHƯƠNG VII

PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

- Điều 22. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc**
- Tại tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị mời thành viên Ban Kiểm soát (Trưởng Ban Kiểm soát và/hoặc thành viên Ban kiểm soát) tham dự và có thể mời Tổng giám đốc tham dự.
 - Tại các cuộc họp của Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và thành viên của các Tiểu ban.
 - Tại các cuộc họp quan trọng do Tổng giám đốc tổ chức, Tổng Giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và thành viên của các Tiểu ban.
 - Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị phải có thời gian, địa điểm, nội dung họp và gửi kèm theo tài liệu họp ít nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp.
 - Biên bản và Nghị quyết họp được gửi cho tất cả các thành viên tham dự trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày họp.

Điều 23. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Tất cả các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và các văn bản có tính chất quản trị chung do Hội đồng quản trị ban hành đều được gửi đến Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nghị quyết, quyết định và các văn bản được ban hành.

Điều 24. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi cần thiết hoặc khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty và các trường hợp theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.
2. Tổng giám đốc, Ban kiểm soát cần xin ý kiến Hội đồng quản trị khi cần thiết hoặc khi phát sinh các sự kiện ảnh hưởng nhiều đến hoạt động của Công ty và các trường hợp theo quy định tại Điều lệ và quy định pháp luật.

Điều 25. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao/được ủy quyền.

1. Tổng giám đốc là người chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kinh doanh trình Hội đồng quản trị xem xét và phê chuẩn; tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị. Khi phát hiện những vấn đề ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo với Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có quyết định điều chỉnh.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ được giao.
3. Tổng giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng quản trị nếu thấy trái với pháp luật và báo cáo ngay với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Tổng giám đốc có quyền quyết định vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp như thiên tai, hỏa hoạn nhưng phải báo cáo trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các quyết định này.
5. Hội đồng quản trị có thể cử đại diện tham dự các buổi họp nội bộ Công ty của Tổng giám đốc khi xét thấy cần thiết.
6. Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến cơ chế chính sách hướng phát triển chung dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của công ty thì Tổng giám đốc phải chủ động mời Hội đồng quản trị tham dự.
7. Tổng giám đốc chuẩn bị các vấn đề sẽ được trao đổi và quyết định tại cuộc họp Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông trong phạm vi thẩm quyền quản lý của mình hoặc theo sự phân công của Chủ tịch hội đồng quản trị.

Điều 26. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh định kỳ hàng quý, 06 tháng và hàng năm.
2. Kế hoạch kinh doanh hàng năm.
3. Những vấn đề khác thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị.

Điều 27. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

1. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tạo điều kiện để Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình. Tổng giám đốc tạo điều kiện cần thiết để các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện tốt nhiệm vụ được phân công.
2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Tổng giám đốc, các thành viên Hội đồng quản trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với Tổng giám đốc để giải quyết kịp thời.
3. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện này.
4. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Tổng giám đốc phát hiện thấy có vấn đề không có lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Chủ tịch Hội đồng quản trị biết để cùng nhau giải quyết.
5. Khi Ban kiểm soát đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, Hội đồng quản trị phải có ý kiến phản hồi để cùng đưa ra quyết định chọn công ty kiểm toán phù hợp nhất.
6. Sau các cuộc kiểm tra định kỳ hay đột xuất Công ty, Ban Kiểm soát phải gửi kết luận kiểm tra bằng văn bản cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị nắm rõ tình hình Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra, Ban kiểm soát phải trao đổi với Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trước khi quyết định báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG VIII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 28. Đánh giá hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành công việc được phân công của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.

2. Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành công việc được phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.
3. Tổng giám đốc đánh giá mức độ hoàn thành công việc được phân công của người điều hành doanh nghiệp khác và đề xuất Hội đồng quản trị mức khen thưởng.
4. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông mức khen thưởng cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông hằng năm.
5. Hội đồng quản trị quyết định mức khen thưởng đối với Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác hoặc trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
6. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quy định của Công ty, tùy theo tính chất sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của Công ty và pháp luật.

CHƯƠNG IX

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 29. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người điều hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người điều hành doanh nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán.
3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Công ty.

CHƯƠNG X

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 30. Nghĩa vụ công bố thông tin

Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công

chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Điều 31. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty tổ chức công bố thông tin theo quy định về công bố thông tin tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công ty bổ nhiệm một nhân viên chuyên trách về công bố thông tin. Nhân viên chuyên trách công bố thông tin có thể là Thư ký Công ty hoặc một nhân viên kiêm nhiệm.
3. Nhân viên chuyên trách công bố thông tin phải là người:
 - a. Có kiến thức luật, kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
 - b. Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
 - c. Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định;
 - d. Chịu trách nhiệm về công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI CÁC VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung quy chế

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.
2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Quy chế này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty. Các vấn đề khác có liên quan đến nội dung Quy chế này nhưng chưa được quy định trong Quy chế sẽ áp dụng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 33. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày ngày 04 tháng 04 năm 2022 có 11 Chương, 33 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 04 năm 2022.
2. Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Người quản lý doanh nghiệp, Người điều hành doanh nghiệp và nhân viên Công ty có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



PHẠM XUÂN HỒNG

